

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Thanh Tuyền.
- Ông Vương Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế (điểm cầu trung tâm) và trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế (điểm cầu thành phần) xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 571/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 613/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06/9/2023 và Thông báo số 634/TB-TAND, ngày 07/9/2023 về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm: 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: TDP3, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc V, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: TDP3, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Đoàn Lê Đình H, sinh ngày 08/8/2008 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của chị Lê Thị B: Bà Huỳnh Thị Ngọc T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh

Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Ngọc V tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/02/2006. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống với ba mẹ chị tại xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2017 vợ chồng chuyển ra huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế ở; đến đầu năm 2022 chuyển đến thuê nhà của ông Lê Đức Thanh - Tổ dân phố 3, thị trấn Khe Tre, huyện ND cho đến nay. Hôn nhân vợ chồng mới đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là anh V thường xuyên uống rượu, bia say sỉn về nhà gây gỗ, chửi mắng vợ con, do không sống được với anh V chị đã từng gửi đơn ra Tòa án nhưng vì anh V đã van xin tha thứ và hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn và cho cơ hội nhưng đến nay bản tính anh V vẫn không thay đổi, không bỏ được rượu, bia về nhà lại tiếp tục gây gỗ chửi mắng vợ và các con. Trong thời gian chị về làm may với chị họ ở xã Lộc Hòa, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế mỗi lần anh V say sỉn gọi điện hoặc nhắn tin cho chị là xúc phạm, chửi mắng chị. Hiện tại anh V đang đi làm thợ nề trên địa bàn huyện ND, sáng đi, trưa về nhà, anh V cố tình không ra Tòa án để giải quyết ly hôn vì mục đích cản trở việc chị ly hôn. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tại phiên tòa chị vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Ngọc V.

Về con chung: Chị với anh Đoàn Ngọc V có 02 người con chung là Đoàn Lê Mỹ D, sinh ngày 06/8/2005 và Đoàn Lê Đình H, sinh ngày 08/8/2008. Hiện nay các cháu đang ở với vợ chồng chị tại tổ dân phố 3, thị trấn Khe Tre, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đoàn Lê Đình H đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đoàn Lê Mỹ D, hiện tại cháu đã đủ 18 tuổi, cháu đã đi làm và tự lo cho cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tiếp tục nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Đoàn Ngọc V:* Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận anh Đoàn Ngọc V đang làm công việc thợ nề và hiện có mặt tại địa phương. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Đoàn Ngọc V nhưng anh V cố tình vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án mà không có lý do nên không có ý kiến của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

** Bà Huỳnh Thị Ngọc T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Đoàn Lê Đình H trình bày:*

Qua xác minh được biết, vợ chồng chị Lê Thị B và anh Đoàn Ngọc V có 02 người con chung: Đoàn Lê Mỹ D, sinh ngày 06/8/2005 và Đoàn Lê Đình H, sinh

ngày 08/8/2008. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với vợ chồng chị B tại tổ dân phố 3, thị trấn Khe Tre, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cháu Đoàn Lê Mỹ D đã đủ 18 tuổi, hiện cháu đã đi làm và tự lo cho cuộc sống; còn cháu Đoàn Lê Đình H đang học lớp 10 Trường Trung học phổ thông ND, nguyện vọng của cháu được ở với chị B nếu ba mẹ cháu ly hôn. Qua việc nuôi dưỡng các cháu của vợ chồng chị B thì thấy rằng, các cháu ngoan, học giỏi nên việc giao ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét điều kiện của một trong hai bên. Tuy nhiên, anh V có mặt tại địa phương nhưng có tình vắng mặt tất cả các buổi làm việc của Tòa án nên không có ý kiến của anh về việc nuôi con chung. Trên cơ sở nội dung yêu cầu của chị B và nguyện vọng của cháu Đình H đề nghị Tòa án xem xét giao cháu cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do chị B không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị B, chị B được ly hôn với anh Đoàn Ngọc V; về con chung: Giao cháu Đoàn Lê Đình H, sinh ngày 08/8/2008 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật; đối với cháu Đoàn Lê Mỹ D, sinh ngày 06/8/2005 hiện đã đủ 18 tuổi việc chị B không yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng nên chấp nhận; về tài sản chung, nợ chung: Do chị B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Đoàn Ngọc V nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; đồng thời anh V hiện đang cư trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Khe Tre, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đoàn Ngọc V đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Đoàn Ngọc V tự nguyện kết hôn vào ngày 27 tháng 02 năm 2006, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã Ea Tóh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân của chị B và anh V là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Theo chị B, sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của vợ chồng mới đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân là anh V thường xuyên uống rượu bia về nhà gây gỗ, chửi mắng vợ con nên dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa chị B vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Ngọc V. Qua xác minh, chính quyền địa phương xác nhận anh V đang làm công việc thợ nề và hiện có mặt trên địa bàn huyện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh V vẫn cố tình vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị B. Điều này chứng tỏ anh V không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Mặt khác, qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của địa phương và người thân đang sống chung với vợ chồng chị B, anh V xác nhận chị B và anh V hiện đã sống ly thân nên khả năng để vợ chồng đoàn tụ là không khả thi, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B, chị B được ly hôn anh Đoàn Ngọc V.

[3.2] Về con chung: Chị Lê Thị B và anh Đoàn Ngọc V có 02 người con chung là Đoàn Lê Mỹ D, sinh ngày 06/8/2005 và Đoàn Lê Đình H, sinh ngày 08/8/2008. Xét theo yêu cầu của chị B về nuôi con, Hội đồng xét xử nhận định: Do bị đơn anh Đoàn Ngọc V đã được triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không lý do, theo nguyện vọng của cháu Đoàn Lê Đình H nếu ba mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với chị B. Do đó cần chấp nhận giao cháu Đình H cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với cháu Mỹ D tại thời điểm xét xử vụ án cháu đã đủ 18 tuổi, cháu đã đi làm và tự lo cho bản thân nên chị B không yêu cầu về việc tiếp tục nuôi dưỡng cháu là có căn cứ nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ND; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Đoàn Lê Đình H của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị B

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B được ly hôn với anh Đoàn Ngọc V (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 27/02/2006 do Ủy ban nhân dân xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk cấp).

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Lê Đình H, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2008 cho chị Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị B không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Đoàn Lê Mỹ D hiện đã đủ 18 tuổi nên chị B không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng cháu. Sau khi ly hôn, anh Đoàn Ngọc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002670 ngày 16/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị B đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Đoàn Ngọc V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Văn Vui Hồ Thị Thanh Tuyên

Nguyễn Văn Mạnh

